

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 1026: Sức Quán Chiếu Dần Dần Sâu, Phân Biệt Chấp Trước Liên Dần Dần Mỏng

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 089)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Người thuyết pháp không có pháp để thuyết, thì người học pháp đương nhiên không có pháp để chấp. Đã là người thuyết pháp vô niệm, thì người học pháp liền đáng phải quán chiếu các pháp vốn duyên sanh thể không, hội quy nhất như. Sức quán chiếu dần dần sâu, phân biệt chấp trước liền dần dần mỏng, ngã kiến liền dần dần trừ bỏ, vọng niệm cũng dần dần lìa xa vậy. Cái gọi là thông đạt pháp vô ngã, chính là như thị, như thị.】

Đoạn tổng kết này vô cùng hay! Bất luận là chính chúng ta tu học, hay là phát tâm hoằng pháp lợi sanh, bộ kinh này đều vô cùng quan trọng và then chốt, nhất định phải nghiêm túc nỗ lực tu học. Đương nhiên, điều quan trọng hơn nữa là phải thâm nhập thể hội. “Thuyết pháp”, đây là đích thân Thế Tôn giảng, chư Phật Bồ Tát là người năng thuyết. “Không có pháp để thuyết”, ý nghĩa này phần trước đều đã từng giảng qua rồi. Thực ra mà nói, đây là cảm ứng đạo giao. Sự cảm ứng vi tế của chúng sanh, thường thường chính bản thân họ cũng không thể nhận biết được; nhưng có cảm ứng, hơn nữa sự cảm ứng này vô cùng phức tạp, đó là vô lượng nhân duyên từ vô lượng kiếp. Không những có cảm ứng với chư Phật Bồ Tát, mà đồng thời cũng có cảm ứng với tất cả chúng sanh. Nếu dùng lời của các nhà khoa học hiện nay mà nói, thì liền giống hệt như từ trường vậy. Bất luận là chúng sanh hữu tình hay chúng sanh vô tình, lớn đến hệ hành tinh – ngày nay chúng ta gọi là hệ hành tinh, trong Phật pháp gọi là pháp giới – nhỏ cho đến vi trần, nguyên tử, điện tử, thủy đều có từ trường; hơn nữa từ trường của bản thân cùng từ trường của môi trường chung quanh có mối quan hệ mật thiết với nhau, điều này trong Phật pháp chính là cảm ứng đạo giao. Đích thực là vô niệm, phần trước đã giảng rồi, chư Phật Bồ Tát có thuyết nhưng vô niệm, đây

mới gọi là “chánh thuyết”, hoàn toàn từ trong chân tâm pháp tánh tự nhiên流露 ra. Những ngôn thuyết được流露 ra đó, hoặc là đủ loại biến tướng, ứng hợp một cách vừa vặn với sự cảm cầu của tất cả chúng sanh. Thuyết pháp hóa ra là một sự việc như vậy. Cho nên Phật nói trong kinh, thực ra mà nói, chúng sanh là cảm lấy vị Phật trong tự tánh mà vì chúng sanh thuyết pháp. Câu nói này chúng ta tỉ mỉ suy ngẫm, đích thực ẩn chứa đạo lý rất thâm sâu.

Do đó, người học pháp đương nhiên không có pháp để chấp. Pháp có thể học, nhưng không thể chấp trước, chấp trước thì sai rồi. Giống hệt như tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, Phật bảo chúng ta có thể thọ dụng, “dĩ huyễn nhập huyễn” (dùng huyễn để nhập huyễn). Như trong Đại Kinh đã giảng, “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, đây chính là nói rõ có thể thọ dụng, nhưng không thể chấp trước. Tại vì sao không thể chấp trước? Bởi vì duyên sanh tánh không, ngay bản thể vốn là không, trọn chẳng thể được. Cho nên bạn chấp trước là sai rồi, tuyệt đối không thể chấp trước. Người thuyết pháp vô niệm, là niệm, thì người học pháp liền nên quán chiếu các pháp duyên sanh thể không. Sự quán chiếu này không thể gián đoạn, trong mọi lúc, mọi nơi, khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần đều phải thấu rõ, thấu rõ chính là quán sát. Thấu rõ điều gì? Thấu rõ chân tướng sự thật, tất cả mọi pháp thấy đều là tướng tương tục (nối tiếp nhau) sanh diệt trong từng sát-na, phải thấu hiểu sự thật này, sau đó mới có thể hội quy đến “nhất như”. Tại vì sao trong mọi lúc, mọi nơi, sáu căn của chúng ta đối với cảnh giới sáu trần, đều phải quán như vậy? Lợi ích của việc làm này là phá vỡ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu như chúng ta ở trong cảnh duyên — “cảnh” thông thường nói là hoàn cảnh vật chất, “duyen” là chỉ hoàn cảnh nhân sự, cũng chính là điều chúng ta thường nói: đối nhân, xử thế, tiếp vật — nếu đem sự việc “duyen sanh tánh không” quên mất đi, vậy thì chính là công phu quán chiếu của bạn đã bị mất rồi, thể là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước lại dấy lên, bệnh cũ lại tái phát. Đây là hiện tượng tất nhiên, bệnh cũ sẽ lại tái phát. Bệnh cũ dễ tái phát, chớ vì phải biết rằng, ý niệm đó là tâm luân hồi, ý niệm luân hồi thì tất cả mọi hành động tạo tác đều là nghiệp luân hồi, vẫn phải trôi lăn trong lục đạo luân hồi, rắc rối chính là ở chỗ này. Cho nên, mọi lúc, mọi nơi không thể mất đi sự quán chiếu. Quán chiếu chính là bạn phải giữ gìn quan niệm chuẩn xác, sự quán chiếu này, “quán” chính là quan niệm, phải có thể đề khởi quan niệm này lên. Quan niệm này chính là: tất cả pháp duyên sanh tánh không, “tánh” chính là thể tánh; hội quy nhất như, vạn pháp nhất như. Hiểu được tất cả pháp do nhân duyên sanh ra, đương thể tức không, thì sự phân biệt,

chấp trước của bạn sẽ dần dần nhạt đi, sẽ không còn nghiêm trọng như quá khứ nữa; biết được vạn pháp nhất như, tâm của bạn sẽ dần dần bình đẳng. Do đây có thể thấy, loại công phu quán chiếu này, nếu công phu đắc lực, đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, đích thực có sự trợ giúp rất lớn: giúp chúng ta công phu thành phiền, giúp chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn; đúng như trên tựa đề “Kinh Vô Lượng Thọ” đã nói, giúp chúng ta chứng đắc Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

Cho nên sức quán phải dần dần sâu, phải dần dần, dần dần bồi dưỡng quan niệm này trong cuộc sống hằng ngày, quan niệm này tuyệt đối không thể để mất đi. Phần dưới chính là nói về hiệu quả của nó: phân biệt chấp trước dần dần mỏng, ngã kiến dần dần trừ bỏ; ý niệm, cũng chính là vọng niệm và vọng tưởng, liền dần dần lìa xa. Đây chính là thông đạt pháp vô ngã, thông đạt pháp vô ngã chính là cảnh giới trên quả địa của chư Phật. Y theo giáo nghĩa của bộ kinh này mà nói, người thông đạt pháp vô ngã, quả vị thấp nhất cũng là Bồ Tát Sơ Trụ của Viên Giác, cái gọi là Pháp thân Đại sĩ. Đối với người niệm Phật mà nói, nếu như thông đạt pháp vô ngã, thì điều này tức là đã đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Dù thấy rằng Kim Cang Bát Nhã đối với việc niệm Phật là có sự trợ giúp rất lớn.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo dưới đây: “Minh văn giả tánh không” (Làm rõ tánh không của người nghe). Đoạn phía trước là “Bổn vô khả thuyết” (Vốn không có gì để thuyết), thuyết mà không có gì để thuyết (thuyết vô khả thuyết). Văn, nghe cũng phải biết cách nghe, biết cách thuyết thì cũng phải biết cách nghe. Đoạn kinh văn này, chính là từ đoạn thứ 145 đến đoạn thứ 147, ba tiểu đoạn này, “Bản dịch của Đại sư La Thập không có”. Trên bản Kinh Kim Cang do Đại sư Cưu Ma La Thập dịch không có đoạn này. “Là do người đời sau căn cứ vào bản dịch đời Nguyên mà thêm vào”, đây là người đời sau. “Kinh Kim Cang” tại Trung Quốc hiện còn lưu giữ tổng cộng có sáu bản dịch khác nhau, sáu bản dịch khác nhau này trong “Đại Tạng Kinh” thấy đều có thu thập giữ lại, đây là từ trong bản dịch đời Nguyên trích lục ra đoạn kinh văn này để bổ sung vào chỗ này. “Ngài La Thập có ý lược bỏ”, Đại sư La Thập hoàn toàn không phải là dịch kinh bị thiếu sót, mà Ngài có ý đồ riêng. Ngài cho rằng đoạn kinh văn này không cần thiết phải có, nghĩa kinh của toàn bộ bản kinh vẫn xuyên suốt, quán thông. Bởi vì người Trung Quốc thời cổ đại, so với người Trung Quốc hiện tại không giống nhau, người thuở trước thích sự đơn giản, càng đơn giản càng tốt. Cho nên về mặt ngôn ngữ chữ viết, đều chú trọng phải “giản, yếu, tường, minh”

(đơn giản, cốt yếu, tường tận, rõ ràng), đơn giản, cốt yếu, mà cũng rất tường tận, rõ ràng; Ngài dùng bốn chữ này để làm tiêu chuẩn. Đối với ngôn từ và văn chương của cổ nhân, chúng ta cần phải thấu hiểu những tiêu chuẩn mà họ đặt ra, sau đó mới biết được vì sao Pháp sư La Thập lại lược bỏ đoạn đó đi. Dụng ý lược bỏ của Ngài là để “Biệt hiển năng sở song vong chi nghĩa” (Đặc biệt hiển bày ý nghĩa Năng và Sở đều dứt bật). Dụng ý của Đại sư La Thập rất thâm sâu, thế nhưng điều đó phải là người thượng căn mới có thể lĩnh ngộ được; người căn cơ trung hạ giống như trình độ của chúng ta đây, thì hết cách thấu hiểu được ý tứ của Ngài. Cho nên các bậc Đại đức đời sau đem đoạn văn này bổ sung vào, đối với chúng ta mà nói sự trợ giúp là rất lớn, khiến cho ý nghĩa của kinh lại càng thêm viên mãn. “Cổ Giang hiệu bốn y chi” (Cho nên bản hiệu đính của Cư sĩ Giang y theo đó): Bản hiệu đính “Kinh Kim Cang” của Cư sĩ Giang Vị Nông, y theo phần bổ sung này của cổ nhân, hoàn toàn không lược bỏ nó đi. Ý nghĩa của đoạn này cũng rất thâm sâu, cho nên trước khi chưa giảng vào kinh văn, vẫn cứ đem điểm cốt yếu của nó giới thiệu qua một cách đơn giản trước.